
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP
Vinacomin - Minerals Holding Corporation



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019
(Từ 01/01/2019 - 31/12/2019)

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
Trụ sở: 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại: 024 6287 6666

Số fax: 024 6288 3333

Website: www.vimico.vn



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình phát triển
3. Ngành nghề, sản phẩm và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển của Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2020 - 2025
6. Các rủi ro và quản trị rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TỪ 01/01/2019 - 31/12/2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư
4. Một số chỉ tiêu tài chính của Vimico năm 2019
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 31/12/2019
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính và những đánh giá tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển tương lai
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị
3. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên đầy đủ: Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
- Tên giao dịch quốc tế: Vinacomin - Minerals Holding Corporation
- Tên rút gọn: Tổng công ty Khoáng sản - TKV
- Tên viết tắt: VIMICO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/4/2018.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng)
- Địa chỉ: Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Số điện thoại: 024 6287 6666
- Số fax: 024 6288 3333
- Website: www.vimico.vn
- Mã cổ phiếu: **KSV**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (tiền thân là Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam) là Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1118/QĐ/TCCBDT ngày 27/10/1995 của Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương).

Theo Quyết định số 345/2005/QĐ-TT ngày 26/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyên thành công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 27/04/2006, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 12/2006/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 0106000168, đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 3 ngày 03/05/2007.

Theo Quyết định số 2449/QĐ-HĐQT ngày 8/11/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam được đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

Theo Quyết định số 3169/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ Công Thương, Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV và đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103087, đăng ký sửa đổi

bổ sung lần thứ 4 ngày 21/08/2012.

Thực hiện Quyết định số 2388/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Phương án CPH Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Quyết định số 7850/QĐ-BCT ngày 30/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương v/v điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, Tổng công ty đã tiến hành CPH và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 6/10/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 6/10/2015.

Ngày 28/12/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp nhận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán tại Công văn số 8010/UBCK-QLPH

Ngày 09/3/2016, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 16/2016/GCNCP-VSD cho Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Ngày 21/7/2016, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 440/QĐ-SGDHN v/v chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV trên sàn Upcom với mã chứng khoán KSV, số lượng đăng ký là 200.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000đ/cổ phiếu; tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.000 tỷ đồng.

Ngày 28/7/2016, tại HNX cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã chính thức giao dịch trên sàn Upcom.

Ngày 03/8/2018, Hội đồng thành viên TKV đã ban hành Quyết định số 1498/QĐ-TKV v/v phê duyệt quyết toán công tác CPH Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin tại thời điểm chính thức chuyển thành Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (thời điểm ngày 05/10/015).

3. Ngành nghề, sản phẩm và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (chính)	2420
2	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
3	Khai thác quặng sắt	0710
4	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
5	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

7	Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón	0891
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	0990
9	Sản xuất than cốc	1910
10	Sản xuất hóa chất cơ bản (không bao gồm hóa chất cấm)	2011
11	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	2012
12	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
13	Đúc kim loại màu	2432
14	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
15	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
16	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
17	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
18	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
19	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan (Chi tiết: Sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ, đá quý, đá bán quý).	3211
20	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21	Sửa chữa thiết bị điện	3314
22	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
23	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
24	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
25	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn vàng trang sức, mỹ nghệ, đá quý, đá bán quý)	4649
26	Buôn bán máy móc, thiết bị, phụ tùng khác	4659
27	Buôn bán kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium)	4662
28	Bán buôn tổng hợp	4690
29	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ vàng trang sức, mỹ nghệ, đá quý, đá bán quý)	4773
30	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
31	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
32	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

33	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
34	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
35	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
36	Điều hành tour du lịch	7912
37	Giáo dục nghề nghiệp	8532
38	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	8610
39	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710

3.2. Một số sản phẩm chính:

- Tinh quặng đồng 23-25% Cu;
- Đồng tấm 99,90-99,99% Cu;
- Tinh quặng sắt 60-65% Fe;
- Axit sunfuaric hàm lượng 93-98% H₂SO₄;
- Vàng kim loại 99,90-99,99% Au;
- Bạc kim loại 99,90-99,99% Ag;

**Sản phẩm do Công ty con sản xuất:*

- Kẽm thỏi 99,90-99,95% Zn;
- Thiếc thỏi 99,75-99,95 % Sn;
- Phôi thép CT5, Q235A, SD 295,...;
- Tinh quặng sắt 60-65% Fe;
- Quặng sắt 50-60%;
- Axit sunfuaric hàm lượng 93-98% H₂SO₄;
- Tinh quặng chì 50%Pb

3.3. Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản - TKV trải dài trên nhiều tỉnh, thành của cả nước, đa số tại các vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn trong đó tập trung nhiều ở khu vực Lào Cai, Thái Nguyên, Cao Bằng, ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

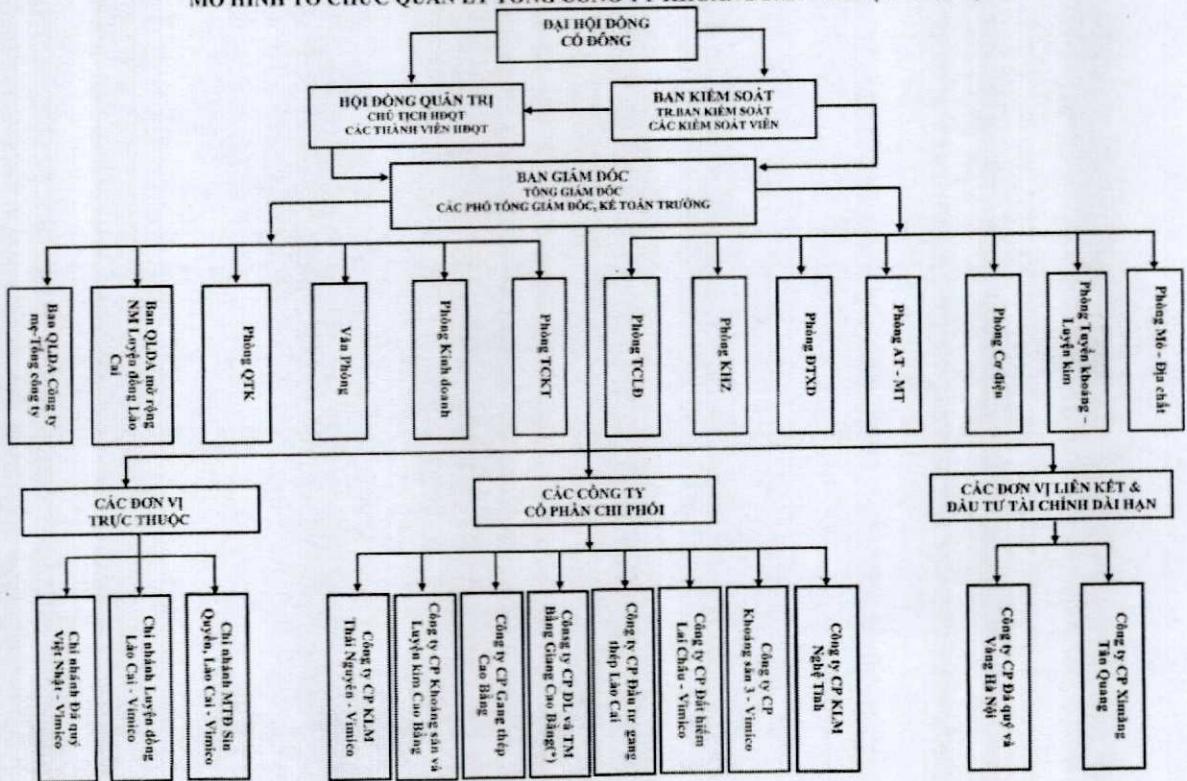
4.1. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm 1.472 cổ đông sở hữu 200.000.000 cổ phần tương đương 2.000 tỷ đồng bằng 100% vốn điều lệ.

- Hội đồng quản trị: Gồm Chủ tịch và 04 thành viên. Trong đó, có 01 thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 02 thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty. Từ tháng 5/2019, HĐQT còn 4 thành viên do Ông Vũ Văn Long thông không làm đại diện của TKV.

- Ban Kiểm soát: Gồm Trưởng ban kiểm soát chuyên trách và 02 Kiểm soát viên.
- Ban Giám đốc: 01 Tổng Giám đốc, 05 Phó Tổng Giám đốc, 01 Kế toán trưởng
- Phòng, Ban chức năng: 13 Phòng, Ban
- Đơn vị trực thuộc: gồm 03 đơn vị
- Công ty con cổ phần chi phối: 08 đơn vị
- Đơn vị liên kết và đầu tư tài chính dài hạn: 02 đơn vị

MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV (31/12/2019)



4.2. Tổ chức kinh doanh:

Hiện nay, VIMICO là Công ty cổ phần được tổ chức sản xuất theo mô hình Công ty mẹ - công ty con, trong đó khâu sản xuất được thực hiện theo cơ chế khoán chi phí, tiêu thụ sản phẩm tập trung. Một số các sản phẩm chủ yếu do các công ty con sản xuất giao cho Công ty mẹ tiêu thụ theo giá thị trường tại từng thời điểm do hai Bên thỏa thuận bằng hình thức Tổng công ty ký kết hợp đồng mua bán với Công ty con trên cơ sở thống nhất giá mua bán giữa 3 bên: **Tổng công ty - Công ty - Khách hàng** phù hợp với quy chế khoán quản trị chi phí giá thành, giá mua/bán trong Tổng công ty Khoáng sản - TKV (danh mục chi tiết sản phẩm tại mục 3.2).

Các công ty con khi tham gia cơ chế phối hợp kinh doanh với Tổng công ty được hưởng các hỗ trợ về an sinh xã hội cho người lao động, về nguồn vốn sản xuất, kinh nghiệm quản lý, về quan hệ khi làm việc với các Bộ, Ban ngành của Nhà nước và địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động sản xuất, được sử dụng các nguồn chi phí tập trung để phát triển tài nguyên, triển khai các dự án môi trường, đào tạo nguồn nhân lực,...theo quy định.

4.3. Bộ máy quản lý:

- Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 04 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm (2015-2020). Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Ban kiểm soát: Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm (2015-2020). Ban kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Tổng Giám đốc: Là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, điều hành kế hoạch phối hợp và kinh doanh của nhóm công ty mẹ - công ty con theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là một thành viên trong HĐQT.

- Phó Tổng Giám đốc: Hiện nay có 05 Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty; giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật kế toán, quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

4.4. Các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết:

4.4.1. Các đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Mô tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - VIMICO: Xã Bản Vược, Huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
- Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - VIMICO: Khu Công nghiệp Tăng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.
- Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - VIMICO: số 193 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân, Hà Nội.

4.4.2. Các công ty con:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty con	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn thực góp
1	CTCP Kim loại màu Thái Nguyên-Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	Tổ 6, P.Phú Xá, TP Thái Nguyên,	180.000	51,00%	91.800
2	CTCP Khoáng sản & Luyện Kim Cao Bằng	Khai thác và chế biến khoáng sản	Kim Đồng, Hợp Giang, Cao Bằng	80.000	51,89%	41.509
3	CTCP Gang thép Cao Bằng	Khai thác và chế biến khoáng sản	Km5, Đè Thám, TP Cao Bằng	435.000	52,54%	430.064
4	CTCP Du lịch & Thương mại Bằng Giang Cao Bằng	Khách sạn và vận tải hành khách	001 Kim Đồng, Hợp Giang, Cao Bằng	18.000	51,31%	9.235
5	CTCP Kim loại màu Nghệ Tĩnh	Khai thác và chế biến khoáng sản	Khối Hợp Xuân, Thị trấn Quỳnh Hợp, Nghệ An	38.850	60,93%	23.670
6	CTCP Khoáng sản 3 - Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	Tổ 30, P.Duyên Hải, TP Lào Cai	35.000	51,00%	17.850
7	CTCP Đầu tư Gang thép Lào Cai - Vimico	Chế biến khoáng sản	Tân Hồng, Bản Qua, Bát Xát, Lào Cai	300.000	99,01%	35.455
8	CTCP Đất hiếm Lai Châu-Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	Thị trấn Tam Đường, H.Tam Đường, Lai Châu	350.000	55,00%	131.019

4.4.3. Các công ty liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty con	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn thực góp
1	CTCP Đá Quý và Vàng Hà Nội	Kinh doanh vàng bạc, đá quý	91 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	18.000	48,31%	8.695
2	CTCP Xi măng Tân Quang	Sản xuất Xi măng	Xóm 8, xã Trảng Đà, TP Tuyên Quang	350.000	13,71%	48.000

5. Định hướng phát triển của Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2020-2025:

5.1. Mục tiêu phát triển:

Phát triển Tổng công ty trở thành doanh nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản kim loại màu hàng đầu Việt Nam; năng động, sáng tạo và có năng lực cạnh tranh cao, có tiềm lực tài chính tốt, SXKD hiệu quả, phát triển bền vững.

5.1.1. Định hướng mô hình tăng trưởng:

Từ quan điểm và mục tiêu nêu trên, mô hình tăng trưởng của Tổng công ty trong thời gian tới được xác định là: *“Phát triển ngành khoáng sản đồng bộ, tiên tiến, hiện đại với tốc độ tăng trưởng cao trên cơ sở đi đôi với phát triển theo chiều rộng tăng cường phát triển theo chiều sâu bằng cách áp dụng công nghệ mới tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả cũng như giảm thiểu ô nhiễm môi trường”* với các định hướng như sau:

- Tập trung khai thác và chế biến sâu các loại khoáng sản có trữ lượng lớn, chất lượng tốt mà trọng tâm là quặng đồng, quặng sắt, quặng kẽm, đất hiếm và quặng titan. Mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở luyện kim hiện có, xây dựng một số cơ sở luyện kim mới với công nghệ hiện đại bên cạnh các mỏ khoáng sản công suất lớn hoặc tại các vùng tập trung các mỏ khoáng sản.

- Hình thành các tổ hợp hoặc trung tâm khai thác mỏ kim loại - luyện kim đồng bộ, công nghệ tiên tiến, hiện đại bao gồm cả công nghiệp phụ trợ có quy mô phù hợp với quy mô trữ lượng khoáng sản của từng cụm mỏ, vùng mỏ hoặc khu vực, nhất là ở vùng Việt Bắc, Tây Bắc.

5.1.2. Định hướng phát triển:

- Tập trung đầu tư phát triển ngành khai thác khoáng sản và chế biến khoáng sản (tuyển khoáng, luyện kim); trọng tâm là các sản phẩm đồng, sắt, kẽm, thiếc, các sản phẩm từ đất hiếm; ...

- Quan tâm phát triển ở quy mô hợp lý một số ngành, lĩnh vực liên quan đến ngành sản xuất chính như xây lắp công trình công nghiệp mỏ, tuyển, luyện kim; gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí (chi tiết, cụm chi tiết, sản phẩm đồng bộ); sửa chữa trung, đại tu ô tô, thiết bị khai thác mỏ, thiết bị tuyển, luyện kim và các thiết bị cơ khí, động lực khác phục vụ hoạt động sản xuất chính; sản xuất các mặt hàng công nghiệp, dân dụng, hóa chất từ khoáng sản, kim loại; gia công chế tác sản xuất hàng trang sức, mỹ nghệ từ sản phẩm khoáng sản và kim loại...

- Phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản - luyện kim theo hướng hiện đại, thu hồi tối đa tài nguyên, thân thiện với môi trường, hài hòa với địa phương và cộng đồng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Phấn đấu trở thành nhà sản xuất, cung ứng giữ vai trò quan trọng trong việc

đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế về các nguyên liệu khoáng và sản phẩm kim loại, nhất là các kim loại màu.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh lại cơ cấu vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn.

5.1.3. Chiến lược phát triển:

Trên cơ sở định vị phương hướng và mục tiêu phát triển, Tổng công ty thực hiện các biện pháp cụ thể bao gồm:

a. Phát triển tài nguyên và nguồn nguyên liệu

- Thực hiện mục tiêu chiến lược xuyên suốt của Vimico trong toàn Tập đoàn các công ty Than - Khoáng sản Việt Nam là “*Từ tài nguyên khoáng sản và nguồn nhân lực đi lên giàu mạnh*”.

- Thăm dò bổ sung, nâng cấp trữ lượng, đánh giá tiềm năng khoáng sản ở các mỏ đang quản lý. Tiếp tục đầu tư cho công tác khảo sát, thăm dò mới khoáng sản chuẩn bị đủ nguồn nguyên liệu cho dự án trọng điểm (nguyên liệu quặng đồng, quặng sắt).

- Điều phối, sử dụng hợp lý các nguồn lực về tài nguyên, thiết bị khai thác để tổ chức SXKD hoạt động khoáng sản đạt hiệu quả cao nhất

b. Phát triển công nghệ (khai thác - tuyển khoáng - luyện kim)

Triển khai toàn diện công tác quản lý kỹ thuật mỏ - địa chất gắn với thực hiện Thông tư 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản trị tài nguyên. Tăng cường kiểm soát các mặt quản lý hoạt động khoáng sản và tài nguyên nước, đảm bảo không vi phạm Nghị định 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ. Tăng cường quản lý tài nguyên, khai thác triệt để các loại quặng nghèo và quản lý chặt chẽ ranh giới mỏ, giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo trong khai thác. Thực hiện đảm bảo chỉ tiêu hệ số bóc và các thông số kỹ thuật khai trường bằng cách:

- Đầu tư và khai thác hiệu quả dây chuyền thiết bị khai thác mỏ của Dự án gồm các tổ hợp thiết bị khoan nổ mìn - xúc bốc - vận tải.

- Triển khai các giải pháp kỹ thuật về khoan nổ mìn - xúc bốc để nâng cao chất lượng quặng, giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo quặng trong khai thác, khai thác triệt để tài nguyên quặng nghèo.

- Đầu tư thiết bị và công nghệ tiên tiến trong khai thác hầm lò để thu hồi tối đa khoáng sản có ích giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo quặng trong khai thác hầm lò, giảm thiểu ô nhiễm môi trường do quá trình khai thác gây ra.

- Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư nâng cấp, hoàn thiện công nghệ và thiết bị tuyển khoáng hiện tại; đầu tư bổ sung công nghệ để có thể thu hồi triệt để các khoáng vật đi kèm, nâng cao thực thu và chất lượng sản phẩm; nghiên cứu giải pháp giảm chi phí; Tiếp tục đầu tư hoàn thiện và nâng cấp các phòng phân tích tại các cơ sở sản

xuất của Tổng công ty; Đầu tư xây dựng mới 01 phòng KCS đạt tiêu chuẩn VILAS tại khu vực Lào Cai. Bổ sung nhân lực có chất lượng cho đội ngũ CBCNV làm công tác KCS hiện nay.

- Đẩy mạnh thực hiện dự án đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai - Vimico tăng công suất gấp 3 lần hiện nay (từ 10.000 tấn/năm lên 30.000 tấn/năm) với việc đầu tư mới thêm một nhà máy mới 20.000 tấn/năm với nhiều cải tiến công nghệ tiên tiến và tính năng kỹ thuật công nghệ vượt trội hơn, chi phí giảm so với nhà máy hiện tại, chất lượng sản phẩm đồng cao tốt đạt tiêu chuẩn LME. Đối với nhà máy gang thép Cao Bằng, tiếp tục duy trì sản lượng phôi thép đạt và vượt công suất thiết kế 220.000 tấn/năm, thu hồi khí than để sản xuất vôi, tận thu kim loại sắt trong xỉ lò luyện, tăng cường phun than antraxit tại lò cao, nâng cao chất lượng nguyên liệu và vận hành để giảm tiêu hao than cốc và các chi phí, nâng cao hiệu quả. Đẩy mạnh cải tạo nâng cao chất lượng nhà máy kềm điện phân Thái Nguyên nâng công suất từ 10.000 tấn/năm đến 15.000 tấn/năm cùng với việc cải tiến công nghệ hòa tách từ thủy luyện toàn phần sang công nghệ bán thủy luyện để nâng cao thực thu, giảm bã thải, thu hồi khoáng vật có ích, cải thiện tốt môi trường.

c. Chiến lược phát triển công tác cơ điện:

- Chú trọng công tác quản lý kỹ thuật, nâng cao năng lực thiết bị huy động vào sản xuất. Đồng thời, đẩy mạnh triển khai áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong hoán cải/đầu tư mới thiết bị góp phần tăng cường năng suất thiết bị.

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp kéo dài thời gian thời gian hoạt động của thiết bị, thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật trong Phương án giãn chu kỳ sửa chữa trung, đại tu thiết bị/dây chuyền thiết bị.

- Tăng cường công tác tự gia công, chế tạo phục hồi và sử dụng phụ tùng vật tư trong nước thay thế vật tư nhập khẩu nhằm tiết giảm chi phí tiêu hao vật tư, phụ tùng, nâng cao hiệu quả SXKD.

- Từng bước đẩy mạnh ứng dụng THH, TĐH trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng thời đại CMCN 4.0; Xây dựng chương trình phát triển ứng dụng THH, TĐH của Tổng công ty với tầm nhìn đến 2030, góp phần nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tác nghiệp của Tổng công ty.

d. Nâng cao năng lực quản lý:

- Công tác kế toán thống kê:

+ Tiếp tục thực hiện Chế độ kế toán áp dụng trong TKV.

+ Mô hình kế toán: Phân tán kết hợp tập trung tùy thuộc quy mô và đặc thù của từng đơn vị. Đối với CTCP - Công ty mẹ, thực hiện hạch toán phụ thuộc tại các chi nhánh, tổng hợp kết quả SXKD toàn Tổng công ty. Vốn kinh doanh hạch toán tập trung tại Văn phòng Tổng công ty, các chi nhánh được giao quản lý, sử dụng, hạch toán tài sản và nhận nợ với Văn phòng Tổng công ty.

+ Triển khai ứng dụng CNTT để phục vụ tổng hợp quyết toán toàn Tổng công ty và hợp nhất báo cáo quyết toán, trên cơ sở đó, phát triển ứng dụng vào công tác thống kê và khoán, quản trị chi phí.

- Công tác tài chính:

+ Tiếp tục tập trung dòng tiền bán hàng trên cơ sở áp dụng mô hình tiêu thụ tập trung tại Công ty mẹ (Công ty cổ phần) thông qua Hợp đồng phối hợp kinh doanh hàng năm. Duy trì việc Công ty mẹ - Công ty CP thu xếp tối đa nhu cầu vốn lưu động bằng việc thanh toán/ứng tiền để các đơn vị sản xuất và sau đó giao nộp sản phẩm. Vốn đầu tư thu xếp tập trung tại Công ty mẹ - Tổng công ty, các chi nhánh thực hiện khi có phân cấp, uỷ quyền của Công ty mẹ - Tổng công ty.

+ Tái cấu trúc các khoản vay theo biến động của thị trường nhằm giảm thiểu chi phí tài chính hàng năm, tiết kiệm chi phí đầu tư.

e. Nâng cao nguồn nhân lực:

Theo chiến lược phát triển và để đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty, mục tiêu và yêu cầu về đổi mới cơ cấu và nâng cao chất lượng lao động của Tổng công ty như sau:

- Mục tiêu và yêu cầu về cơ cấu lao động:

+ Mục tiêu lao động quản lý của toàn Tổng công ty không quá 12% so với tổng số lao động.

+ Kiểm soát và có chính sách hợp lý về cơ cấu ngành nghề để ổn định và phát triển về cả số lượng và chất lượng phù hợp với quy mô phát triển từng năm của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật các ngành nghề; lao động kỹ thuật của các ngành chủ lực của Tổng công ty như luyện kim, chế tác kim loại, tuyển khoáng, khai thác mỏ, kỹ thuật sửa chữa các thiết bị cơ điện.

- Yêu cầu về kỹ năng, trình độ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật:

+ Yêu cầu đối với cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật: Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của Tổng công ty phải đáp ứng được yêu cầu về trình độ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ; có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ lý luận chính trị và trình độ quản lý doanh nghiệp. Ngoài ra, cần phải có kinh nghiệm thực tế tại các cơ sở sản xuất trong Tổng công ty và có kỹ năng làm việc độc lập, tự chủ, sáng tạo.

+ Yêu cầu đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật (CNKT): Đội ngũ CNKT phải được đào tạo bài bản tại các hệ thống trường đào tạo CNKT của Nhà nước và các trường đào tạo trong hệ thống đào tạo của Tập đoàn. Một số đối tượng lao động có yêu cầu cao cần được đào tạo bổ sung thực tế tại các cơ sở sản xuất trong và/hoặc ngoài nước để nâng cao tay nghề và kinh nghiệm trước khi đưa vào sản xuất. Lao động kỹ thuật phải nắm vững cơ sở lý thuyết và khả năng thực hiện các công việc thực tế cao, thuần thục các kỹ thuật công nghệ hiện đang được sử dụng trong sản xuất và phát triển trong những năm tới của Tổng công ty.

- Đối với công tác tổ chức, quản lý: Hoàn thành Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2017-2020, xây dựng và thực hiện Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025, theo đó, tiếp tục thoái vốn tại các doanh nghiệp SXKD ngoài ngành nghề chính của Tổng công ty, các công ty kém hiệu quả nhiều năm liền; sắp xếp lại tổ chức tại các đơn vị thành viên, giảm các đầu mối quản lý trung gian để đổi mới cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động gián tiếp, nâng cao hiệu quả điều hành. Đồng thời, tiếp tục tái cơ cấu các mặt quản trị nội bộ của Tổng công ty. Tiếp tục rà soát đổi mới cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng lao động tại các đơn vị đặc biệt là tại một số đơn vị có số lao động lớn, cơ cấu lao động phức tạp. Triển khai đánh giá hiệu quả công việc người lao động bằng công cụ KPI làm cơ sở trả lương, thưởng cho người lao động.

- Đối với công tác tuyển dụng và quản lý sử dụng lao động: Thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng lao động theo Quy chế tuyển dụng và sử dụng Người lao động Tổng công ty Khoáng sản – TKV. Tiếp nhận, sử dụng, bố trí lao động đúng ngành nghề đào tạo để phát huy sở trường và kinh nghiệm làm việc. Tạo những cơ hội tốt về thu nhập và khả năng phát triển. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV và người lao động. Cải thiện điều kiện về môi trường làm việc, quan hệ cộng đồng, gia đình xã hội. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ đặc thù đối với nguồn nhân lực chất lượng cao, tay nghề cao đặc biệt là đối tượng lao động trong các lĩnh vực khai thác hầm lò, luyện kim chế biến sâu, đối tượng lao động có nguyện vọng gắn bó lâu dài với đơn vị...

- Đối với công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực: Triển khai đánh giá hiệu quả công việc (theo KPI) các vị trí tại Cơ quan Tổng công ty làm cơ sở để nhận xét, đánh giá, xếp loại, quy hoạch, sắp xếp cán bộ, từ đó nhân rộng tới các đơn vị thành viên. Hàng năm xây dựng chương trình Đào tạo cho CBQL, CMNV và CNKT đáp ứng yêu cầu sử dụng, nâng cao kỹ năng làm việc của CNV và đội ngũ CNKT trong Tổng công ty. Có kế hoạch luân chuyển để đào tạo nâng cao năng lực quản lý trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ ở đơn vị sản xuất trực tiếp. Đào tạo đủ số lượng và đảm bảo chất lượng nhằm cung cấp lao động cho các dự án của Tổng công ty hoàn thành và đi vào sản xuất giai đoạn 2020-2025, trong quá trình đào tạo và sử dụng lao động, chú trọng và ưu tiên sử dụng lao động địa phương.

6. Các rủi ro và quản trị rủi ro:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng công ty Khoáng sản - TKV chịu tác động của những rủi ro sau:

6.1. Rủi ro bên ngoài:

6.1.1. Rủi ro về kinh tế:

- Tổng công ty có các giao dịch mua, bán trong và ngoài nước, có thông qua, sử dụng thanh toán bằng ngoại tệ (USD, JPY, CNY...) Do đó, bất kỳ sự thay đổi tỷ giá nào cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Vì vậy, sự phát triển của nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam, tạo nên sức cầu quan trọng đối với ngành khoáng sản. Tuy nhiên, các mặt hàng của Việt Nam chiếm một tỷ trọng nhỏ so với thế giới, do đó giá bán của các sản phẩm này phụ thuộc nhiều vào mặt bằng chung của thế giới. Nên, khi nền kinh tế toàn cầu suy thoái, dẫn đến giá bán các sản phẩm khoáng sản giảm, dẫn đến ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến sự phát triển của Tổng công ty

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế, Tổng công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế, để từ đó lập kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với sự tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Tổng công ty còn thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nhằm gia tăng lợi nhuận của các lĩnh vực kinh doanh truyền thống và một số lĩnh vực kinh doanh khác.

- Lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Tổng công ty luôn phải theo dõi và cập nhật hàng ngày để đưa ra chiến lược đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng đồng thời sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình SXKD của các doanh nghiệp. Chính vì vậy, khi lãi suất biến động sẽ có ảnh hưởng nhất định đến tình hình hoạt động của Tổng công ty.

Để quản trị rủi ro về lãi suất, hạn chế tối đa tác động của lãi suất lên hoạt động SXKD, Tổng công ty áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vay vốn từ Ngân hàng và thay bằng các nguồn khác có chi phí thấp hơn.

6.1.2. Rủi ro pháp lý:

- Hệ thống pháp luật của nước ta liên quan đến hoạt động kinh doanh và khai thác khoáng sản còn chưa đồng bộ gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.

Các chính sách của Chính phủ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Nhà nước thu tiền sử dụng tài liệu địa chất, tiền cấp quyền khai thác, ký quỹ, đầu tư... và các loại thuế, phí tăng cao đã và đang làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của toàn Tổng công ty. Bên cạnh đó, thời hạn khai thác các mỏ của Vimico phụ thuộc vào chính sách quản lý, khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp phép khai thác mỏ thường kéo dài và là một rủi ro trong hoạt động của Tổng công ty.

6.2. Rủi ro nội tại doanh nghiệp:

6.2.1. Rủi ro về đất đai:

Hiện nay VIMICO đang được Nhà nước giao quản lý, sử dụng diện tích đất hơn 4,25 triệu m² trải rộng trên nhiều địa phương: Lào Cai, Thái Nguyên, Hà Nội (giảm so với 2019 (4,26 triệu m²) do trả về địa phương quản lý 02 lô đất tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai: Đất làm kho mìn và đất làm trường mầm non) và đang thực hiện các thủ tục để thuê đất với diện tích hơn 5,48 triệu m² chủ yếu trên địa bàn Lào Cai để phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh. Việc quản lý, sử dụng và xin cấp

mới những diện tích đất trên có thể phát sinh những rủi ro, khó khăn không lường trước được như:

- Rủi ro trong quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng: Đây là công tác phức tạp và có thể phát sinh nhiều vướng mắc làm chậm tiến độ giải phóng mặt bằng gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án cũng như công tác sản xuất của VIMICO.

- Chính sách về quản lý đất đai: Thường xuyên có những biến động, việc cập nhật và áp dụng các chính sách về đất đai có thể phát sinh các chi phí làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, đầu tư: tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng.

6.2.2. Rủi ro về trữ lượng và chất lượng tài nguyên:

Ngành khoáng sản có đặc thù là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần phải thực hiện thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí và thời gian, nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi (mỏ nằm quá sâu)... khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế - kỹ thuật thì rủi ro chi phí chìm (sunk cost) sẽ là rất lớn. Mặc dù các công ty khai khoáng đều thực hiện những nghiên cứu, khảo sát và đánh giá về điều kiện địa chất mỏ. Tuy nhiên, những nghiên cứu này không thể lường trước hết những biến động bất thường của tự nhiên. Việc đánh giá không chính xác về địa chất và về trữ lượng khoáng sản có thể khai thác sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của Vimico.

6.2.3. Rủi ro đặc thù khai thác, chế biến:

Trong quá trình khai thác, ngoài các sản phẩm thu được thì kèm theo đó là các chất thải, phế thải độc hại và do hoạt động trong điều kiện ngoài trời, doanh nghiệp còn phải chịu các rủi ro về thiên tai, lũ lụt, rủi ro xảy ra tai nạn lao động, rủi ro gây ô nhiễm môi trường... dẫn tới việc phải tăng các chi phí hoạt động hoặc thậm chí bị rút giấy phép khai thác mỏ.

6.2.4. Rủi ro về tiêu thụ sản phẩm:

Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty được xây dựng dựa vào một phần công tác dự báo sản lượng sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm trong năm tới. Do đó, giá cả của các sản phẩm như: đồng, vàng, bạc, kẽm thỏi, tinh quặng sắt... đều chịu áp lực do giá cả của thị trường thế giới lên xuống. Vì vậy, mọi chính sách kinh tế, đối ngoại đều có tác động đến giá thành sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

6.2.5. Rủi ro về tài chính liên quan đến vụ tranh chấp giữa Eximbank Thái Lan và Công ty Kim loại màu Thái Nguyên:

Rủi ro về tài chính liên quan đến vụ tranh chấp giữa Eximbank Thái Lan và Công ty Kim loại màu Thái Nguyên (nếu có) đã được đề cập chi tiết tại Báo cáo thường niên của Tổng công ty các năm 2015 và năm 2016. Sau khi có phán quyết phúc thẩm của Tòa Thái Lan, phía Eximbank Thái Lan đã nộp Đơn yêu cầu và đề

ngợi Toà án Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cho thi hành bản án.

Đến ngày 12/7/2019, Toà án Nhân dân tỉnh Thái Nguyên có Quyết định số 01/2019/VKDTM-ST, theo đó Toà Thái Nguyên không chấp nhận yêu cầu của Eximbank Thái Lan về yêu cầu và thi hành án tại Việt Nam; không công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài Thái Lan nêu trên.

Hiện tại Toà án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng đã có Quyết định số 05/2020/KDTM-PT ngày 14/02/2020 không chấp nhận kháng cáo của Eximbank Thái Lan và giữ nguyên Quyết định số 01/2019/VKDTM-ST của Toà Thái Nguyên.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TỪ 01/01/2019 - 31/12/2019:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Các chỉ tiêu về giá trị:

1.1. Các chỉ tiêu về giá trị:

- **Tổng doanh thu hợp nhất toàn TCT:** 6.202 tỷ đồng, bằng 94,86% KH điều chỉnh và bằng 108,77% cùng kỳ năm trước (Trong đó: Doanh thu khoáng sản các SP Công ty mẹ: 2.670,97 tỷ đồng/2.621 tỷ đồng KH điều chỉnh, bằng 101,91%KH điều chỉnh).

- **Lợi nhuận trước thuế:** 15,51 tỷ đồng (trong đó: Cty mẹ - Tcty 137,67 tỷ đồng).

- **Nộp ngân sách:** 970,75 tỷ đồng.

- **Tổng số lao động:** 4.453/ 4.812 người KH, đạt 92,54%KHN và bằng 97,87% TH 2018

- **Thu nhập BQ:** 8,258 tr.đồng/người/tháng, bằng 91,29%KHN và bằng 95,35% TH 2018.

1.2. Các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất - tiêu thụ - tồn kho các sản phẩm Công ty mẹ - Tổng công ty: KHZ

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	KHĐC 2019	TH 2019	SS TH 2019 VỚI (%)	
					CK 2018	KHĐC2019
A	B	C	1	2	3	4=2/1
I	Sản xuất					
1	TQ đồng 24%Cu	Tấn	70.304	71.334	135,60	101,46
2	Đồng tấm Ka tốt	Tấn	11.800	12.500	106,06	105,93
3	Tinh quặng sắt (60%Fe)	Tấn	102.002	107.305	140,24	105,2
4	Axit Sunfuric	Tấn	42.400	44.684	101,75	105,39
5	Vàng	Kg	455	539,87	94,59	118,65
6	Bạc	Kg	415	500	101,54	120,48
II	Tiêu thụ					
II.1	Sản phẩm Công ty mẹ					
1	Tinh quặng đồng (VIMICO)		11.000	15.129	-	137,54

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	KHĐC 2019	TH 2019	SS TH 2019 VỚI (%)	
					CK 2018	KHĐC2019
A	B	C	1	2	3	4=2/1
	25%Cu					
2	Đồng tấm Ka tốt	Tấn	11.600	12.122	99,92	104,50
3	Tinh quặng sắt (60%Fe)	Tấn	130.000	103.407	136,45	79,54
4	Axit Sunfuric	Tấn	42.500	43.210	98,13	101,67
5	Vàng	Kg	455	542,34	87,4	119,2
6	Bạc	Kg	460	535	102,94	116,32
II.2	Sản phẩm nội bộ					
1	Phôi thép GTCB	Tấn	220.000	229.375	142,23	104,26

1.3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...):

Trong năm 2019, Tổng công ty tiếp tục tập trung thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2017 - 2020 sau khi được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt tại Quyết định số 316/QĐ-VIMICO ngày 02/4/2018. Tổng công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần địa ốc khoáng sản và Công ty CP Vàng Lào Cai; hoàn thành thủ tục chấm dứt hoạt động Xưởng Cơ khí 19/5 thuộc Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico theo quy định; lập phương án thoái vốn tại Công ty CP Kim loại màu Nghệ Tĩnh và hoàn thành thoái toàn bộ vốn tại Công ty trong quý I/2020.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Hội đồng quản trị:

2.1.1. Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT

+ Năm sinh: 1968

+ Trình độ: Kỹ sư Khai thác mỏ;

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Văn Hải bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1998; từng giữ các chức vụ Phó Quản đốc/Quản đốc Phân xưởng, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khoáng sản), Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Khoáng sản. Ông Nguyễn Văn Hải được bầu giữ chức vụ Thành viên chuyên trách HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ tháng 10/2015. Ngày 15/5/2019 được bầu làm Chủ tịch HĐQT thay ông Vũ Văn Long.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Trưởng Ban Quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học MT - Vinacomin; Chủ tịch Công ty TNHH Vinacomin - Lào; Chủ tịch Công ty liên doanh Alumina (Campuchia-Việt Nam); Thành viên HĐQT Công ty CP Đồng Tà Phời – Vinacomin.

2.1.2. Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

+ Năm sinh: 1972

+ Trình độ: Kỹ sư điện khí hóa - Cung cấp điện

+ Quá trình công tác: Ông Trịnh Văn Tuệ bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1992; từng giữ các chức vụ Đốc công, Phó Quản đốc/Quản đốc Công ty Mở tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai, Phó Giám đốc/Giám đốc Công ty Luyện đồng Lào Cai (02 đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khoáng sản). Ông Trịnh Văn Tuệ được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 8/2015, tháng 9/2016 được bầu làm Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Ngày 16/3/2018, ông Tuệ được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

2.1.3. Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

+ Năm sinh: 1973

+ Trình độ: Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: Ông Ngô Quốc Trung bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2010; từng giữ chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty Khoáng sản từ 2010 đến 2018; Ông Ngô Quốc Trung được bầu Thành viên HĐQT từ tháng 10/2015 và bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ tháng 7/2018 đến nay.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản 3, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đất hiếm Lai Châu - Vimico, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kim loại màu Nghệ Tĩnh (Tổng công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Kim loại màu Nghệ Tĩnh trong tháng 3/2020).

2.1.4. Ông Đặng Đức Hưng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc:

+ Năm sinh: 1967

+ Trình độ: Kỹ sư khai thác mỏ lộ thiên, Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: Ông Đặng Đức Hưng bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2007; từng giữ các chức vụ Phó phòng/Trưởng phòng Mỏ địa chất Tổng công ty. Ông Đặng Đức Hưng được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 11/2015. Ngày 16/3/2018, ông Hưng được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

2.2. Ban Kiểm soát: Gồm Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và 02 Kiểm soát viên.

2.2.1. Ông Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát:

+ Năm sinh: 1972

+ Trình độ: Cử nhân Tài chính kế toán

+ Quá trình công tác: Ông Lương Văn Lĩnh bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2009, từng giữ chức vụ Phó phòng Tài chính kế toán Tổng công ty; Ông Lương Văn Lĩnh được bầu giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ tháng 10/2015.

2.2.2. Ông Phạm Xuân Phong - Thành viên Ban kiểm soát

+ Năm sinh: 1964

+ Trình độ: Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: hiện là Phó Trưởng ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam. Ông Phạm Xuân Phong đã từng giữ chức vụ Trưởng phòng Kế toán tổng hợp Ban Kế toán – Tập đoàn TKV; Ông Phạm Xuân Phong được bầu giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ tháng 4/2017.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Than Miền Trung - TKV; Ủy viên Ban Kiểm soát CTCP Thiết Bị Điện Cẩm Phả; Ủy viên Ban Kiểm soát CTCP Cơ Khí Hòn Gai - Vinacomin;

2.2.3. Ông Lê Anh Sơn - Thành viên Ban Kiểm soát:

+ Năm sinh: 1978

+ Trình độ: Kỹ sư khai thác mỏ, Cử nhân QTKD

+ Quá trình công tác: Ông Lê Anh Sơn bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2000; từng giữ các chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khoáng sản), Phó Phòng Kế hoạch Giá thành Tổng công ty Khoáng sản; Ông Lê Anh Sơn được bầu Thành viên Ban kiểm soát và bổ nhiệm chức vụ Phó Phòng Kế hoạch giá thành Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ tháng 10/2015. Từ 01/4/2016 ông Lê Anh Sơn là Chuyên viên Ban Kế hoạch Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

2.3. Ban Giám đốc: Gồm Tổng Giám đốc, 05 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

2.3.1. Ông Trịnh Văn Tuệ - Tổng Giám đốc: Đã thông tin tại mục HĐQT

2.3.2. Ông Đặng Đức Hưng - Phó Tổng Giám đốc: Đã thông tin tại mục HĐQT

2.3.3. Ông Đào Minh Sơn - Phó Tổng Giám đốc:

+ Năm sinh: 1963

+ Trình độ: Kỹ sư máy và thiết bị mỏ

+ Quá trình công tác: Ông Đào Minh Sơn bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1987; từng giữ các chức vụ Phó Quản đốc/Quản đốc XN Thiếc Bắc Lũng - Tuyên Quang, Đốc công, Phó Giám đốc, Giám đốc XN liên doanh đồng Lào Cai, Phó Ban QLDA Tổ hợp đồng Sin Quyền, Phó Phòng/Trưởng phòng Cơ

điện, Trưởng phòng TCCB&ĐT Tổng công ty Khoáng sản. Ông Đào Minh Sơn được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 8/2015.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP KLM Thái Nguyên-Vimico.

2.3.4. Ông Bùi Tiến Hải - Phó Tổng Giám đốc:

+ Năm sinh: 1976

+ Trình độ: Thạc sỹ Tuyển khoáng

+ Quá trình công tác: Ông Bùi Tiến Hải bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2008; từng giữ các chức vụ Phó phòng Tuyển khoáng Tổng công ty Khoáng sản; Tháng 6/2014-4/2019 là Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV KLM Bắc Kạn, kiêm Bí thư Đảng ủy (8/2015) Công ty CP KLM Thái Nguyên. Ông Bùi Tiến Hải được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 5/2019 đến nay.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Gang thép Cao Bằng và CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng; Thành viên HĐQT CTCP KLM Thái Nguyên.

2.3.5. Ông Ngô Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc: Đã thông tin tại mục HĐQT

2.3.6 Ông Lý Xuân Tuyên - Phó Tổng giám đốc

+ Năm sinh: 1980

+ Trình độ: Kỹ sư Tuyển khoáng

+ Quá trình công tác: Ông Lý Xuân Tuyên bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2005; Từ tháng 07/2009 đến tháng 05/2010 Quản đốc PX Tuyển khoáng kiêm Phó chủ tịch Công đoàn Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico; Tháng 8/2013 đến 11/2019: Giám đốc Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai – Vimico. Ông Lý Xuân Tuyên được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ ngày 05/11/2019.

2.3.7 Ông Nguyễn Văn Viên - Kế toán trưởng:

+ Năm sinh: 1981

+ Trình độ: Kỹ sư Kế toán doanh nghiệp

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Văn Viên bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2009; từng giữ các chức vụ Kế toán trưởng Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico; Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng. Ông Nguyễn Văn Viên được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 7/2018.

*** Năm 2019, Vimico có 01 sự thay đổi trong Hội đồng quản trị, 02 sự thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc như sau:**

- Ngày 15/5/2019 HĐQT Tcty đã có Nghị quyết số 1116/NQ-VIMICO về việc ông Vũ Văn Long thôi tham gia HĐQT, thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng công ty kể từ ngày 15/5/2019. Việc thay đổi thành viên HĐQT được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2020.

- Ngày 15/5/2019, HĐQT Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 1118/NQ-VIMICO thông qua kết quả bầu Ông Nguyễn Văn Hải - Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhiệm kỳ 2015 - 2020 kể từ ngày 15/5/2019 thay ông Vũ Văn Long.

- Ông Bùi Tiến Hải được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ ngày 01/5/2019 theo Quyết định số 559/QĐ-VIMICO ngày 23/4/2019 của HĐQT Tổng công ty.

- Ông Lý Xuân Tuyên được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản – TKV từ ngày 05/11/2019 theo Quyết định số 1136/QĐ-VIMICO của HĐQT Tổng công ty.

2.4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cán bộ quản lý:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP nắm giữ		Tỷ lệ % (tổng số CP)
			Ủy quyền	Sở hữu	
I	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	196.117.900	10.000	98,0639
2	Trịnh Văn Tuệ	Thành viên HĐQT, TGD	0	15.200	0,00760
3	Ngô Quốc Trung	Thành viên HĐQT, Phó TGD	0	5.100	0,00250
4	Đặng Đức Hưng	Thành viên HĐQT, Phó TGD	0	3.000	0,00150
II	Ban kiểm soát				
1	Lương Văn Lĩnh	Trưởng Ban kiểm soát	0	1.000	0,00050
2	Phạm Xuân Phong	Kiểm soát viên	0	0	0
3	Lê Anh Sơn	Kiểm soát viên	0	2.300	0,00115
III	Ban Điều hành				
1	Trịnh Văn Tuệ	Thành viên HĐQT, TGD	Đã nêu tại Mục I Biểu này		
2	Đặng Đức Hưng	Thành viên HĐQT, Phó TGD	Đã nêu tại Mục I Biểu này		

3	Đào Minh Sơn	Phó TGD	0	13.400	0,00670
4	Bùi Tiến Hải	Phó TGD	0	5.000	0,00250
5	Ngô Quốc Trung	Thành viên HĐQT, Phó TGD	Đã nêu tại Mục I Biểu này		
6	Lý Xuân Tuyên	Phó TGD	0	18.000	0,00900
7	Nguyễn Văn Viên	Kế toán trưởng	0	800	0,00040

2.5. Số lượng CBCNV, chính sách và thay đổi chính sách đối với NLD:

2.5.1. Số lượng CBCNV:

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số CBCNV toàn Tổng công ty (bao gồm các Công ty con) là 4.363 người. Tổng số lao động trong khối Công ty mẹ - Tổng công ty là 1.774 người. Cơ cấu, chất lượng lao động như sau:

- Theo giới tính: nam 3.386 người chiếm 77,61%; nữ 977 người chiếm 22,39% (trong đó khối Công ty mẹ: nam 1.413 người chiếm 79,65%; nữ 361 người chiếm 20,35%)

- Theo trình độ: Tiến sỹ, thạc sỹ 44 người 1,01%; Kỹ sư, cử nhân 877 người chiếm 20,10%; Cao đẳng 247 người chiếm 5,66%; Trung cấp 925 người chiếm 21,20%; CNKT 2.270 người chiếm 52,03% (Trong đó Công ty mẹ: Tiến sỹ, thạc sỹ 27 người chiếm 1,52%; Kỹ sư, cử nhân 381 người chiếm 21,48%; Cao đẳng 129 người chiếm 7,27%; Trung cấp 274 người chiếm 15,45%; CNKT 963 người chiếm 54,28%).

2.5.2. Chính sách đối với lao động:

Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động, đồng thời tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Các chính sách, chế độ đãi ngộ với người lao động đang được thực hiện tại Vimico như sau:

- Được xếp lương, nâng bậc, nâng ngạch theo quy định của pháp luật và Vimico.

- Được tham gia BHXH, BHYT, ... và giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước; được hưởng các chế độ trợ cấp khi nghỉ việc theo đúng quy định (trợ cấp thôi việc, mất việc làm).

- Được thực hiện đầy đủ chế độ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi (nghỉ phép, nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ tết, nghỉ việc riêng hoặc làm thêm giờ...).

- Được xem xét, đề nghị các cấp khen thưởng khi có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hoặc có thành tích đột xuất.

- Được xem xét cử tham gia các lớp bồi dưỡng, khóa tập huấn, đào tạo, hội thảo theo yêu cầu công việc nhằm nâng cao khả năng quản trị kinh doanh, trình độ

chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, lý luận chính trị.

- Được đảm bảo việc làm và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển sự nghiệp.
- Được tham gia các tổ chức Đoàn thể của Vimico
- Được cấp phát đồng phục, trang bị phương tiện làm việc.
- Được tổ chức Công đoàn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần: khám chữa bệnh định kỳ, thăm quan nghỉ mát, thăm hỏi khi ốm đau, hiếu hỷ,...
- Được hưởng các quyền lợi khác: mua cổ phần, cổ phiếu,... theo quy định của pháp luật.
- Đối với người lao động tay nghề cao được hưởng chính sách bảo hiểm nhân thọ theo quy định của Tổng công ty.
- Được tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể quần chúng giúp đỡ, tạo điều kiện phấn đấu để được đứng trong hàng ngũ của Đảng nếu có nguyện vọng.

2.5.3. Những thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Ngày 19/02/2019, Hội đồng quản trị ban hành ban hành Hệ thống thang bảng lương của Tổng công ty; ngày 19/6/2019, Hội đồng quản trị ban hành Quy chế quản lý lao động tiền lương của Tổng công ty; ngày 26/9/2019, Hội đồng quản trị ban hành Quy chế thi đua khen thưởng trong Tổng công ty.
- Hàng năm tiếp tục tổ chức đào tạo, tập huấn cho CBCNV nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ quản lý, người lao động.
- Tổng Giám đốc và Công đoàn Tổng công ty ký kết các điều khoản bổ sung Thỏa ước lao động tập thể với nhiều quyền lợi hơn cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư:

3.1. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng từ 01/01/2019 đến 31/12/2019:

3.1.1. Công ty mẹ - Tổng công ty: Thực hiện giá trị khối lượng ĐTXD năm 2019: 1.075.893 triệu đồng.

3.1.2. Toàn Tổng công ty: Thực hiện giá trị khối lượng ĐTXD năm 2019: 1.121.974 triệu đồng.

(Chi tiết như biểu 01 kèm theo).

3.2. Tình hình thực hiện các dự án từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 của Công ty mẹ - Tổng công ty:

a. Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (Nhóm A):

- Tổng mức đầu tư: 2.564.739 triệu đồng (QĐ số 295/QĐ-HĐTV ngày 29/4/2016).

- Giá trị khối lượng thực hiện: Giá trị thực hiện năm 2019: 118.910 triệu đồng (*trương đương 110% kế hoạch*); Lũy kế thực hiện đến 31/12/2019: 2.226.648 triệu đồng (*trương đương 86,82% tổng mức đầu tư được phê duyệt*).

- Giải ngân: Giá trị giải ngân năm 2019: 118.910 triệu đồng (*trương đương 100% giá trị khối lượng thực hiện*); Lũy kế giải ngân đến 31/12/2019: 1.872.976 triệu đồng (*trương đương 84,12% tổng giá trị khối lượng đã thực hiện*).

Dự án triển khai còn chậm chưa đảm bảo tiến độ. Nguyên nhân bị kéo dài tiến độ do công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gặp nhiều khó khăn vướng mắc của địa phương trong công tác quyết định thu hồi đất, thống kê đền bù,... nên Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện chậm so với kế hoạch đề ra.

Đến nay, dự án đã hoàn thành xây dựng tất cả các hạng mục công trình chính; trừ 02 hạng mục/gói thầu: Nắn suối Nậm Chỏn + Xây dựng cầu qua đoạn nắn suối Nậm Chỏn, Xây dựng bãi thải quặng đuôi giai đoạn 2; triển khai thi công chậm do vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB. Về dây chuyền thiết bị công nghệ nhà máy tuyển khoáng đã hoàn thành việc cung cấp, lắp đặt, chạy thử liên động không tải, chạy thử liên động có tải, chỉnh định thiết bị, hoàn thành chạy thử liên động có tải; kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng từ ngày 01/02/2019.

b. Dự án Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai (Nhóm A):

- Tổng mức đầu tư: 3.927.534 triệu đồng (*QĐ số 1633/QĐ-TKV ngày 19/8/2015*).

- Giá trị khối lượng thực hiện: Giá trị thực hiện năm 2019: 833.658 triệu đồng (*trương đương 99,62% kế hoạch*); Lũy kế thực hiện đến 31/12/2019: 2.092.658 triệu đồng (*trương đương 53,28% tổng mức đầu tư được phê duyệt*).

- Giải ngân: Giá trị giải ngân năm 2019: 315.541 triệu đồng (*trương đương 37,85% giá trị khối lượng thực hiện*); Lũy kế giải ngân đến 31/12/2019: 873.132 triệu đồng (*trương đương 41,72% tổng giá trị khối lượng đã thực hiện*).

Dự án triển khai còn chậm do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan tồn tại từ những năm trước như: tỉnh Lào Cai thực hiện thu hồi apatit trên mặt bằng nhà máy; thực hiện điều chỉnh quy hoạch và thu hồi một phần đất của dự án để xây dựng khu vực cửa khẩu Bản Vược; điều chỉnh thiết kế cho phù hợp trong quá trình thi công xây dựng; công tác giải ngân thanh toán cho các hợp đồng chậm, ảnh hưởng đến nguồn lực và tiến độ thi công của các nhà thầu...

- Năm 2019, Chủ đầu tư tiếp tục triển khai thực hiện công việc của gói thầu số 8 (*HH - Thiết kế, cung cấp thiết bị, vật tư và lắp đặt Nhà máy luyện đồng công*

suất 20.000 tấn/năm) chủ yếu công tác điều chỉnh thiết kế và giám sát tác giả, thiết bị cho nhà máy hiện tại nhà thầu đang vận chuyển đến công trường để lắp đặt; triển khai thi công Xây dựng các nhà xưởng thuộc Nhà máy luyện đồng, Xây dựng khu điều hành sản xuất, Hệ thống kho chứa và xưởng cơ khí...; và tiếp tục thực hiện các hạng mục: Thẩm tra thiết kế; giám sát thi công xây lắp; quản lý mua sắm, tiến độ, chất lượng công trình; Bảo hiểm công trình; Tư vấn kiểm tra an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng; Tư vấn giám định các thiết bị quan trọng; Tư vấn GSTC các hạng mục phụ trợ; Tư vấn kiểm toán quyết toán các HMCT và DA hoàn thành của dự án theo kế hoạch được giao.

c. Dự án Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai (Nhóm B):

- Tổng mức đầu tư: 490.684 triệu đồng (QĐ số 380/QĐ-HĐQT ngày 15/6/2016).

- Giá trị khối lượng thực hiện: Giá trị thực hiện năm 2019: 41.914 triệu đồng (tương đương 112,44% kế hoạch); Lũy kế thực hiện đến 31/12/2019: 102.895 triệu đồng (tương đương 20,97% tổng mức đầu tư được phê duyệt).

- Giải ngân: Giá trị giải ngân năm 2019: 41.914 triệu đồng; Lũy kế giải ngân đến 31/12/2019: 83.088 triệu đồng (tương đương 80,75% tổng giá trị khối lượng đã thực hiện).

- Tiếp tục thực hiện công tác thống kê bồi thường, giải phóng mặt bằng, mặc dù hiện tại còn gặp nhiều khó khăn.

- Tổ chức tự thực hiện gói thầu số 13 “Xây dựng đường lò khai thông +150 và đường lò chuẩn bị +110”, gói thầu số 10 “Giám sát thi công xây dựng công trình”, số 11 “Bảo hiểm công trình”, số 15 “Mua sắm máy khoan đào lò” và số 16 “Xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị trạm PP-6kV, trạm biến áp 6/0,4kV và kho thuốc nổ”

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng để thực hiện các gói thầu số 18b, số 9... và triển khai các công việc tiếp theo.

d. Đầu tư duy trì, nâng cao năng lực sản xuất Công ty mẹ - Tổng công ty (Nhóm C):

Ngoài các dự án khai thác, chế biến khoáng sản (Nhóm A, B) nêu trên, trong năm Công ty mẹ - Tổng công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án/công trình đầu tư duy trì, nâng cao năng lực sản xuất nhóm C như: Đầu tư bổ sung để duy trì, phục vụ sản xuất năm 2019; Đầu tư nhà xưởng sửa chữa thiết bị phân xưởng Cơ điện; Hệ thống cấp dầu tự động; Đầu tư xây dựng phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp (phần mềm dùng chung - ERP) (giai đoạn 1)...

BIỂU 01: THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	TH NĂM 2018	TH NĂM 2019	Ghi chú
I	Kế hoạch đầu tư xây dựng	926.965	1.075.893	
1	Dự án nhóm A	832.587	952.568	
1.1	Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyến đồng Sin Quyền, Lào Cai	170.034	118.910	
1.2	Mở rộng và nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai (Giai đoạn I: 3 vạnT/n)	662.553	833.658	
2	Dự án nhóm B	5.454	41.914	
2.1	Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, LC	5.454	41.914	
3	Dự án nhóm C	88.924	81.411	
3.1	Đầu tư bổ sung duy trì SXKD của Tcty	88.924	81.411	

3.3. Đầu tư tài chính tại các Công ty con, Công ty liên kết năm 2019:

Đơn vị: đồng

TT	Đơn vị	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Ghi chú
I	Công ty con CP chi phối			
1	CTCP Kim loại màu Thái Nguyên-Vimico	798.346.738.263	120.070.578.610	
2	CTCP Khoáng sản & Luyện Kim Cao Bằng	42.141.522.882	-26.521.799.257	
3	CTCP Gang thép Cao Bằng	2.377.127.037.810	-133.365.408.354	
4	CTCP Du lịch & Thương mại Bằng Giang Cao Bằng	17.247.987.427	0	
5	CTCP Kim loại màu Nghệ Tĩnh	88.298.293.747	19.565.000	
6	CTCP Khoáng sản 3 - Vimico	119.921.845.062	1.074.006.275	
7	CTCP Đầu tư Gang thép Lào Cai	5.119.584.916	1.051.897.618	
8	CTCP Đất hiếm Lai Châu-Vimico	-	-	Đang đầu tư
9	CTCP Địa ốc Khoáng sản-TKV	-	-	Đã thoái vốn xong T12/2019
10	CTCP Vàng Lào Cai			Đã thoái vốn xong tháng 2/2019

II	Công ty liên kết			
1	CTCP Đá Quý và Vàng Hà Nội	7.609.753.560	270.489.516	
2	CTCP Xi măng Tân Quang	761.456.767.935	31.289.200.882	

4. Một số chỉ tiêu tài chính của Vimico trong năm 2019 (theo BCTC từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 đã được kiểm toán):

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	Cty mẹ TCT	Hợp nhất toàn TCty
1	Tổng tài sản tại 31/12/2019	5.615.574	7.760.501
-	Tài sản ngắn hạn tại 31/12/2019	2.184.711	2.521.009
-	Tài sản dài hạn tại 31/12/2019	3.430.863	5.239.492
2	Nợ phải thu tại 31/12/2019	1.165.096	670.009
-	Nợ phải thu ngắn hạn tại 31/12/2019	1.144.845	613.418
-	Nợ phải thu dài hạn tại 31/12/2019	20.251	56.591
3	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại 31/12/2019	(9.169)	(11.601)
4	Hàng tồn kho tại 31/12/2019	596.615	1.349.779
5	Nợ phải trả tại 31/12/2019	3.481.710	5.361.310
-	Nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2019	2.238.601	3.229.779
-	Nợ phải trả dài hạn tại 31/12/2019	1.243.109	2.131.532
6	Vốn góp của chủ sở hữu tại 31/12/2019	2.000.000	2.000.000
7	Lợi nhuận trước thuế cả năm 2019	137.672	15.511
8	Hệ số nợ phải trả/VCSH (lần)	1,62	2,23
9	Hệ số thanh toán nợ đến hạn (lần)	0,98	0,78

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2019:

5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
200.000.000	Cổ phần phổ thông	199.085.200	914.800

Danh sách cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:

Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
Cổ đông thể nhân	3.882.100	914.800	Theo thời gian cam kết làm việc tại DN

5.2. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông sáng lập: Không có
- Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ Vimico:

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	5700100256	Số 226 Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	196.117.900	98,06%

- Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông Nhà nước	1	196.117.900	98,06%
II	Cổ đông trong nước	1.472	3.882.100	1,94%
1	Cá nhân	1.470	3.882.100	1,94%
2	Tổ chức	2	197.117.900	98,56%
III	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
	TỔNG CỘNG	1.472	200.000.000	100%

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng công ty Khoáng sản - TKV (VIMICO) là đơn vị khai thác và chế biến khoáng sản (Tuyển, luyện) để tạo ra các nguyên liệu cơ bản, như: Kim loại màu (Thiếc, chì, kẽm, đồng); Kim loại đen (Sắt); Kim loại quý hiếm (Vàng, bạc, đất hiếm), cho các ngành sản xuất khác với quy trình sản xuất liên tục từ khâu khai thác đến khâu chế biến. Quy trình sản xuất, công tác quản lý kỹ thuật và bảo vệ môi trường được VIMICO ưu tiên chú trọng, nên các chỉ tiêu về ATVSLĐ - BVMT luôn trong phạm vi an toàn cho phép theo quy định Nhà nước. Việc quản lý nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất được kiểm soát chặt chẽ thông qua

các giải pháp kỹ thuật và các bộ định mức kinh tế kỹ thuật.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

6.2.1. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Trong số các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty thì Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - Vimico là đơn vị sản xuất, chế tác, gia công hàng trang sức mỹ nghệ, đá quý với quy mô nhỏ nên năng lượng tiêu thụ không đáng kể. Năng lượng tiêu thụ tập trung chủ yếu ở 02 đơn vị khai thác, sản xuất trực tiếp khoáng sản kim loại màu là Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico và Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - Vimico.

Năm 2019 Công ty mẹ - Tổng công ty tiêu thụ:

- Điện năng: 110,616 triệu kWh. Trong đó:

+ CN Mỏ tuyển đồng Sin Quyền. Lào Cai - Vimico: 68,549 triệu kWh.

+ CN Luyện đồng Lào Cai - Vimico: 42,067 triệu kWh.

- Xăng, dầu các loại: 20,360 triệu lít. Trong đó:

+ CN Mỏ tuyển đồng Sin Quyền. Lào Cai - Vimico: 16,833 triệu lít.

+ CN Luyện đồng Lào Cai - Vimico: 3,527 triệu lít.

6.2.2. Công tác sử dụng nhiên liệu, điện năng:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giải pháp kỹ thuật và tuyên truyền, vận động người lao động nâng cao ý thức trách nhiệm về quản lý, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và an toàn trong sản xuất. Chủ động, tích cực trong việc thực hiện, theo dõi và quản lý các chỉ tiêu định mức tiêu thụ năng lượng phù hợp cho mỗi loại sản phẩm đến các bộ phận sản xuất và người lao động.

- Trong quản lý, điều hành sản xuất tại các đơn vị, phổ biến, quán triệt tới toàn thể cán bộ nhân viên phải thực hiện tiết kiệm điện, đưa nội dung tiết kiệm điện vào chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chấp hành kỷ luật nội bộ và thi đua khen thưởng hàng năm. Đối với những công đoạn sản xuất độc lập hoặc dây chuyền sản xuất có những thiết bị hoạt động không liên tục mà không cần thiết phải hoạt động trong giờ cao điểm đều được bố trí cho hoạt động sản xuất ngoài giờ cao điểm như: Cung cấp, vận chuyển và gia công nguyên liệu trong các nhà máy tuyển khoáng; Bơm nước cho các bể chứa phục vụ sản xuất của các nhà máy tuyển khoáng, nhà máy luyện kim; Bơm thoát nước moong trong các công trường khai thác mỏ,...

- Áp dụng các giải pháp quản lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành trong chiếu sáng công cộng; Thay thế các đèn chiếu sáng bằng đèn tiết kiệm điện; Triển khai các giải pháp công nghệ tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện cho 100% công trình chiếu sáng công cộng xây dựng mới.

- Thực hiện tự động hóa các tuyến chiếu sáng công cộng xây mới để giảm lượng ánh sáng theo khung thời gian đảm bảo giảm cường độ chiếu sáng khi không cần thiết.

- Áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong việc thay thế dần các loại Aptomat, Contactor điều khiển động cơ điện của các thiết bị trong các dây chuyền tuyển khoáng, luyện kim bằng các loại biến tần phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc chỉnh định công nghệ, đồng thời tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong các công đoạn sản xuất như: Vận chuyển nguyên vật liệu bằng các loại băng tải; Vận chuyển các sản phẩm tuyển khoáng bằng bơm ly tâm (bơm dung dịch quặng tuyển các loại, bơm bùn đuôi thải, bơm nước,...); Điều khiển hoạt động của các thiết bị nén khí, quạt gió,...

- Tại Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai tham gia thực hiện giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm tiêu hao năng lượng cụ thể: thực hiện lắp đặt hệ thống giám sát điện áp bề điện phân nhằm ổn định về công nghệ. Qua theo dõi, tiêu hao điện năng trên sản phẩm đồng giảm do không thất thoát điện năng thành nhiệt năng ở vị trí chạm chập, tiết kiệm điện năng ~200.000 kWh/năm.

- Tại Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai: Năm 2019 đã đầu tư hệ thống cấp phát nhiên liệu tự động nhằm đồng bộ với hệ thống kiểm soát điều hành phương tiện vận tải bằng GPS hiện có và kiểm soát chặt chẽ trong khâu cấp phát nhiên liệu.

6.3. Tiêu thụ nước:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty tập trung tại khu vực Lào Cai, vì vậy nguồn nước chủ yếu lấy từ suối Ngòi Phát cung cấp cho Nhà máy tuyển đồng Sin Quyền và từ nhà máy nước khu vực xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng cung cấp cho Nhà máy Luyện đồng Lào Cai với lượng nước sử dụng như sau:

a. Nhà máy tuyển đồng Sin Quyền:

Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ 8.660.030 m³

Trong đó

+ Lượng nước bổ sung 2.654.030 m³

+ Lượng nước tuần hoàn (tỷ lệ thu hồi nước ~70%) 6.006.000 m³

b. Nhà máy Luyện đồng Lào Cai:

Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ 241.095 m³

Trong đó

+ Lượng nước bổ sung 24.095 m³

+ Lượng nước tuần hoàn (tỷ lệ thu hồi nước ~90%) 217.000 m³

c. Tổng lượng nước Cty mẹ - Tổng công ty sử dụng: 8.901.125 m³

Trong đó

+ Lượng nước bổ sung	2.678.125 m ³
+ Lượng nước tuần hoàn tái sử dụng	6.223.000 m ³

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Năm 2019, các đơn vị trong Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tính đến thời điểm 31/12/2019, tổng số lao động bình quân trong Công ty mẹ - Tổng công ty là 1.700 người, tiền lương bình quân 10,576 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động, đồng thời tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Người lao động tay nghề cao được hưởng chế độ đãi ngộ theo Quyết định số 1041/QĐ-VIMICO ngày 12/10/2017 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc Ban hành Quy định chính sách đãi ngộ đối với người lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao trong Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

Chi tiết đã trình bày tại mục 2.5.2, phần II.

Ngày 19/02/2019 Hội đồng quản trị Vimico đã ban hành Quyết định số 175/QĐ-VIMICO v/v ban hành hệ thống thang bảng lương của Tổng công ty Khoáng sản - TKV phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động, Luật BHXH để đảm bảo quyền lợi cho người lao động trong Tổng công ty.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Thực hiện kế hoạch đào tạo năm 2019 đã được phê duyệt tại Quyết định số 428/ VIMICO-TLCS ngày 20/3/2019 phê duyệt KH đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân kỹ thuật năm 2019, trong năm 2019 Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã cử CBCNV, người lao động tham gia các lớp học ngắn hạn, dài hạn, các lớp tập huấn do TKV và Tổng công ty tổ chức ở mọi chuyên ngành, lĩnh vực khác nhau; tổ chức và cử tham gia trên 30 chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho 719 lượt CBCNV-NLĐ với tổng kinh phí 7,112 tỷ đồng.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương TCLĐ

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Trong năm 2019 Tổng công ty đã

thực hiện tốt hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác tại các địa phương.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(Chi tiết đã được nêu tại Khoản 1, mục II Báo cáo này)

1.2. Những việc đã làm được

Tổng công ty đã quyết liệt trong chỉ đạo điều hành kế hoạch, ban hành các giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành nhằm thực hiện hoàn thành kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2019 và triển khai sâu rộng đến từng đơn vị.

Tổng công ty bám sát kế hoạch kỹ thuật công nghệ, kế hoạch sản lượng điều hành và các giải pháp kỹ thuật ban hành để triển khai có hiệu quả. Đảm bảo an toàn trong khai thác mỏ, đáp ứng cung cấp đủ quặng nguyên khai cho khâu tuyển. Tcty trong năm cũng đã tích cực triển khai XDCB các mỏ đồng Vi Kẽm, mỏ Chi kẽm Cúc Đường, mỏ thiếc Thập Lục Phần; tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật khai thác đặc biệt là khâu khoan nổ mìn, xúc bốc, kiểm soát cung độ vận tải. Mặc dù có khó khăn về cung cấp nguyên liệu, nhưng hầu hết các nhà máy luyện kim đã duy trì hoạt động với thời gian có ích tăng, năng suất cao ngay cả trong dịp lễ, tết kéo dài, đảm bảo an toàn sản xuất, các chỉ tiêu kỹ thuật đạt yêu cầu, chất lượng sản phẩm tốt, sản lượng các sản phẩm Luyện kim đạt kế hoạch và cao hơn trước.

Tổng công ty đã hoàn thiện và ban hành bổ sung các quy định, quy chế quản lý phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty mẹ - Tcty - CTCP. Tái cơ cấu và thực hiện phương án xã hội hóa tại nhiều cơ sở thuộc Tcty. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, định biên lại lao động cho phù hợp tại các Chi nhánh, đơn vị trong Tcty. Bố trí lao động hợp lý tại các khâu, bộ phận sản xuất. Thực hiện luân chuyển, điều động trong nội bộ Tcty, hạn chế tối đa việc tuyển dụng mới.

Tổng công ty đã chủ động giải quyết các vướng mắc liên quan thu xếp vốn cho các dự án đầu tư, thu xếp đủ vốn phù hợp với dòng tiền, hỗ trợ thu xếp vốn lưu động cho các công ty con.

Trong năm đã đẩy mạnh công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học công nghệ vào quản lý, sản xuất kinh doanh. Toàn Tcty có 14 sáng kiến CTKT, HLHSX đã được công nhận để đưa vào thẩm định xét thưởng với giá trị làm lợi khoảng 10 tỷ đồng.

1.3. Tồn tại, hạn chế:

Về sản xuất: Một số mỏ sản lượng khai thác đạt thấp so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều vướng mắc làm chậm một số dự án so với tiến độ (nấn suối Nậm Chôn; khu Bắc Nà Rựa; bãi thải

Tây Nam mỏ Sin Quyên; Điều kiện khai thác các mỏ thiếc sa khoáng khó khăn, khai trường xuống sâu, diện tích hẹp, chiều cao bờ công tác lớn, khai tuyển lại bãi thải cũ (mỏ Tĩnh Túc); Mỏ Suối Bắc đang tạm dừng sản xuất; Mỏ Bản Cô đang làm các thủ tục đóng cửa mỏ; thiết bị huy động phục vụ khai thác chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất...

Về quản lý tồn kho vật tư: Một số đơn vị tỷ lệ tồn kho vật tư còn cao so với quy định như: Công ty CPKSLK Cao Bằng, Công ty CP GTCB....

Công tác kiểm tra, kiểm soát quá trình thực hiện chưa được thực hiện thường xuyên, dẫn tới có những sự cố phát sinh chưa xử lý kịp thời, vẫn còn những khoản chi phí phát sinh ngoài kế hoạch.

2. Tình hình tài chính và những đánh giá về tài chính: (số liệu chi tiết tại Khoản 4, Mục II Báo cáo này)

Năm 2019, do SXKD gặp nhiều khó khăn như: giá bán một số sản phẩm chính giảm sâu và thấp hơn giá kế hoạch; giá than cốc tăng cao làm chi phí sản xuất phối thép tăng; công tác tiêu thụ tinh quặng đồng chậm, Dự án mở rộng luyện đồng do nhiều nguyên nhân khách quan đang bị chậm tiến độ... nên tình hình tài chính của TCT cũng rất khó khăn. Việc thu xếp nguồn vốn phục vụ SXKD luôn trong tình trạng căng thẳng, việc giải ngân cho các DA không đảm bảo tiến độ.

Trước tình hình đó, TCT cũng đã chủ động tìm kiếm các giải pháp tín dụng phù hợp với tình hình thực tế, giải quyết các vướng mắc liên quan đến thu xếp vốn cho các dự án đầu tư; thu xếp đủ vốn phù hợp với dòng tiền, hỗ trợ thu xếp vốn lưu động cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng phục vụ sản xuất.

Tích cực làm việc với các địa phương, Bộ ngành liên quan trong việc đề xuất giảm các loại thuế, phí phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Tcty và các doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2019, Tổng công ty tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2017-2020 và Phương án mô hình tổ chức, định biên lao động toàn Tổng công ty. Theo đó, Tổng công ty đã hoàn thành thoái vốn tại 02 đơn vị thành viên (Công ty CP Vàng Lào Cai, Công ty CP Địa ốc Khoáng sản). Ngoài ra Tổng công ty tiến hành rà soát và thông qua người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị đã rà soát cơ cấu tổ chức tại một số đơn vị trực thuộc và công ty con (Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai, Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, Công ty CP Gang thép Cao Bằng, ...).

Tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật, của TKV, phù hợp với Điều lệ và mô hình quản lý thực tế của Tổng công ty (trong công tác lao động tiền lương, cán bộ, thi đua khen thưởng, quản trị kinh doanh, vật tư, ...).

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 Công ty mẹ - Tcty:

- Doanh thu
 - + Công ty mẹ - Tcty: 3.152 tỷ đồng, trong đó: Doanh thu khoáng sản: 3.104 tỷ đồng, doanh thu khác: 48 tỷ đồng.
 - + Hợp nhất toàn Tcty: 6.588 tỷ đồng

Trong đó:	Doanh thu khoáng sản:	6.511 tỷ đồng
	Doanh thu SXKD khác:	77 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế
 - + Lợi nhuận Công ty mẹ: 94 tỷ đồng, trong đó: Từ khoáng sản: 93,57 tỷ đồng; Kinh doanh khác: 0,43 tỷ đồng).
 - + Lợi nhuận hợp nhất trước thuế toàn Tcty: 163 tỷ đồng, bao gồm: Lợi nhuận từ khoáng sản: 162 tỷ đồng; Lợi nhuận từ kinh doanh khác: 1 tỷ đồng.
- Tỷ lệ cổ tức: 3%
- Tiền lương bình quân: Toàn Tổng công ty đạt 8,976tr.đ/người/tháng, trong đó: Công ty mẹ - Tcty: 10,453 tr.đ/người/tháng.
- Lao động sử dụng trong kỳ: 4.812 người, trong đó, công ty mẹ 1.986 người.
- Tổng giá trị ĐTXD CB: 1.476 tỷ đồng. Trong đó: Chuẩn bị dự án, thực hiện đầu tư: 1.335,29 tỷ đồng; Trả nợ khối lượng năm trước: 0 tỷ đồng; Dự phòng: 140,71 tỷ đồng.

4.2. Các sản phẩm chủ yếu sản xuất - tiêu thụ Công ty mẹ:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản xuất	Tiêu thụ
1	Tinh quặng đồng 25%Cu		66.798	
2	Tinh quặng manhetit	Tấn	97.287	100.000
3	Đồng katốt 99,95% Cu	Tấn	17.000	17.000
4	Vàng 99,95% Vàng	Kg	618	618
5	Bạc thối 99% Ag	Kg	599	599
6	Axit sulfuric 93 - 98% H ₂ SO ₄	Tấn	62.540	62.500

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty:

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Kết quả quan trắc, giám sát môi trường định kỳ cho thấy các chỉ tiêu về môi trường đạt Quy chuẩn Việt Nam. Tổng công ty chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật pháp luật về bảo vệ môi trường.

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Năm 2019, Tổng công ty đã thực hiện tốt việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động. Đảm bảo được công việc, tiền lương, chế độ chính sách và chế độ đãi ngộ khác cho người lao động. Ban hành bổ sung các quy chế, quy định liên quan đến người lao động theo đúng quy định của pháp luật và điều kiện SXKD thực tế của Tổng công ty.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Năm 2019, Tổng công ty đã chấp hành đúng quy định của các địa phương về các vấn đề hỗ trợ cộng đồng địa phương nơi Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY:

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

HĐQT Tổng công ty hiện nay gồm có 04 thành viên là:

1. Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty;
2. Ông Trịnh Văn Tuệ - TV HĐQT - Tổng Giám đốc;
3. Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT, Phó TGD;
4. Ông Đặng Đức Hưng - Thành viên HĐQT, Phó TGD.

Ngày 15/5/2019, HĐQT Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 1118/NQ-VIMICO bầu Ông Nguyễn Văn Hải - Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhiệm kỳ 2015 - 2020 kể từ ngày 15/5/2019 thay ông Vũ Văn Long.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2019

HĐQT Tổng công ty đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, triển khai thực hiện đầy đủ nội dung Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT với trách nhiệm quản lý mọi mặt hoạt động SXKD của Tổng công ty đã chỉ đạo điều hành thực hiện đúng vai trò quản lý, giám sát và đưa ra nhiều chủ trương, biện pháp hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để Ban giám đốc Tổng công ty điều hành đúng định hướng:

2.1.1. Trong năm 2019, HĐQT Tổng công ty đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, 48 phiên họp HĐQT và ban hành 215 nghị quyết chỉ đạo và thông qua với các nội dung chủ yếu sau:

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung một số Quy chế, Quy định quản lý nội bộ làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Tổng công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- Chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Tổng công ty. Năm 2019, nhiều đơn vị đã hoàn thành tốt kế hoạch, các dây chuyền công nghệ khai thác, tuyển khoáng, luyện kim quặng đồng, thiếc, kẽm, tinh quặng sắt,... hoạt động tương đối ổn định, đảm bảo các chỉ tiêu công nghệ, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu đề ra. Tổng công ty đã có nhiều biện pháp linh hoạt, theo dõi sát diễn biến giá cả thị trường trong nước và thế giới để lựa chọn thời điểm, phương án tiêu thụ đảm bảo giá bán cạnh tranh, có lợi nhất cho doanh nghiệp.

- Chỉ đạo thực hiện thu xếp đủ nguồn vốn cho kế hoạch ĐTXD, đặc biệt là đối với các dự án lớn, công trình trọng điểm của Tổng công ty. Giá trị khối lượng thực hiện đầu tư xây dựng năm 2019 của Tổng công ty cơ bản đều đạt kế hoạch. Các dự án trọng điểm như: dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh); Dự án nâng công suất Nhà máy Luyện đồng Lào Cai công suất 20.000 tấn/năm bị chậm về cơ bản do nguyên nhân khách quan.

- Kiên trì, quyết liệt triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu. Tiếp tục tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm đầu tư nhằm giảm tỷ lệ vốn của TKV trong Tổng công ty xuống còn 65%. Thực hiện thoái vốn thành công tại Công ty CP Vàng Lào Cai và Công ty CP Địa ốc Khoáng sản mang lại hiệu quả cao, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Thực hiện công tác phát triển nguồn nhân lực, thực hiện thành công một số mục tiêu chính trong Đề án tái cơ cấu về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và CNKT trình độ cao.

- Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích pháp luật của Tổng công ty và cổ đông.

- Thông qua nhân sự đề HĐQT, Tổng Giám đốc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các phòng, ban, đơn vị theo thẩm quyền.

2.1.2. Các thành viên Hội đồng quản trị đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, tham gia và/hoặc có ý kiến tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp hoặc có ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu. Theo lĩnh vực được phân công, các thành viên đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Tổng công ty. HĐQT đồng thuận khi thông qua các Nghị quyết, quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển, các chủ trương lớn nhằm kịp thời giải quyết công việc, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động SXKD đúng với quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động SXKD của Tổng Công ty và quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, HĐQT mời Trưởng Ban kiểm soát và một số cán bộ quản lý tham gia cuộc họp để HĐQT có những quyết định phù hợp với tình hình sản xuất.

2.1.3. Về thù lao của HĐQT thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ

đồng thông qua.

2.2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty:

Chi tiết về hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 đã được nêu chi tiết tại mục II Báo cáo này.

2.2.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2019, ảnh hưởng của giá bán một số sản phẩm chính (Tinh quặng đồng, kẽm thỏi, phôi thép...) trên thị trường giảm và thấp hơn so với giá bán kế hoạch, làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD của các đơn vị trong Tổng công ty, bên cạnh đó, điều kiện khai thác tại các mỏ ngày càng khó khăn, tài nguyên tại nhiều mỏ biến động giảm về trữ lượng, chất lượng; các chính sách của Nhà nước về thuế tài nguyên, phí môi trường, thu tiền sử dụng tài liệu địa chất, tiền cấp quyền khai thác, ký quỹ đầu tư,... liên tục thay đổi theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp. Với những khó khăn đó, Tổng công ty tập trung quản lý sản xuất, tăng sản lượng cùng với việc triển khai quyết liệt các giải pháp điều hành, công tác tiêu thụ sản phẩm luôn bám sát thị trường, công tác thoái vốn tại một số đơn vị theo kế hoạch đã được triển khai thành công và có hiệu quả.

(1) Thực hiện đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2017 ÷ 2019, tầm nhìn 2020 đã được Tập đoàn phê duyệt:

- Tiếp tục hoàn thiện và ban hành các quy định, quy chế quản lý phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty - CTCP.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp mô hình tổ chức, định biên lao động tại các Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ Tổng công ty, các công ty con (thông qua Người đại diện) trong đó tập trung vào việc tinh giản gọn nhẹ bộ máy quản lý, lao động phụ trợ.

- Công tác quản lý vốn đầu tư ngoài doanh nghiệp:

Thực hiện tái cơ cấu vốn của cổ đông. Thực hiện và chấp hành nghiêm túc việc quản lý cổ đông, công bố thông tin và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trong năm 2019, Tổng công ty đầu tư vốn góp vào Công ty CP Đất hiếm Lai Châu, giảm vốn tại Công ty CP Đầu tư Gang thép Lào Cai và thoái vốn 2 Công ty (Công ty CP Vàng Lào Cai và Công ty CP Địa ốc Khoáng sản - TKV), giá trị góp vốn tại thời điểm 31/12/2019 là: Giá trị đầu tư theo mệnh giá ngày 31/12/2019 là: 633.188 Triệu đồng; Giá trị theo sổ sách kế toán ngày 31/12/2019 là: 612.816 Triệu đồng bằng 30,64% vốn điều lệ của Tổng công ty.

(2) Triển khai đồng bộ các giải pháp điều hành SXKD:

- Đã quyết liệt chỉ đạo các đơn vị bám sát kế hoạch điều hành, các phương án sản xuất năm 2019 để triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế từng đơn vị, đảm bảo sản xuất hiệu quả với mục tiêu tổng quát là: **AN TOÀN - ĐỔI MỚI -**

PHÁT TRIỂN.

- Thực hiện quyết liệt giải pháp "**1 tập trung**" tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, đã tiếp tục hỗ trợ nhân lực cán bộ có kinh nghiệm, máy móc thiết bị, hỗ trợ xây dựng các quy trình vận hành, quản lý và triển khai các biện pháp quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất tại Nhà máy và nâng cao hiệu quả SXKD của đơn vị.

- Tiếp tục chấn chỉnh, duy trì kỷ luật, kỷ cương, quyết liệt và sâu sát hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tái cơ cấu từ Tổng công ty tới các đơn vị thành viên. Xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm các quy chế quản lý của Tổng công ty.

- Căn cứ kế hoạch SXKD đã được phê duyệt, các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch điều hành sản xuất, phương án tiêu thụ trên cơ sở bám sát diễn biến giá cả thị trường để điều hành chi phí một cách linh hoạt, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất trong toàn Tổng công ty. Điều hành sản xuất, tiêu thụ, kiểm soát chi phí hàng tháng nhằm hạn chế tối đa các chi phí phát sinh.

- Tăng cường công tác quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm, an toàn và bảo vệ môi trường. Kiểm soát chặt chẽ và tối ưu hóa các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ (giảm định mức tiêu hao cốc/gang, tăng tỷ lệ thực thu tuyển khoáng, luyện kim, giảm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng,.....). Nâng cao hiệu quả vận hành các nhà máy, dây chuyền công nghệ, thiết bị, giảm số sự cố, giảm tỷ lệ dừng máy (cả dừng bảo dưỡng và dừng sự cố), giảm số ngày dừng vận hành không theo kế hoạch.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng, nguyên nhiên liệu, vật tư tiêu hao đưa vào sản xuất ở tất cả các khâu, nâng cao hiệu suất vận hành tất cả các nhà máy tuyển khoáng, luyện kim, hiệu quả kinh doanh.

- Tập trung giải quyết các vướng mắc về cấp giấy phép khai thác... đối với mỏ thiếc Tĩnh Túc, kẽm chì Làng Hích...

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng CNTT thống nhất từ TCTy tới các đơn vị đáp ứng cho việc triển khai các hệ thống ứng dụng của chương trình tin học hóa, tự động hóa của Tổng công ty. Sử dụng, khai thác tối đa chức năng quản trị của phần mềm dùng chung (ERP) trong công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Tăng cường sử dụng sản phẩm, dịch vụ, hỗ trợ lẫn nhau trong nội bộ Tổng công ty, nội bộ Tập đoàn trên cơ sở đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh.

(3) Công tác An toàn - Môi trường:

Tổng công ty xác định việc đảm bảo An toàn - Môi trường là một trong các nhân tố để tồn tại và phát triển bền vững của Tổng công ty, do vậy đã được các cấp của Tổng công ty (Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, chuyên môn) đặc biệt quan tâm và có các quy định và chỉ đạo, giám sát kiểm tra thường xuyên.

(4) Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất- kinh doanh, đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất:

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, các giải pháp hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả SXKD, góp phần giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm ở tất cả các công đoạn sản xuất, chi phí quản lý doanh nghiệp. Công tác Nghiên cứu khoa học năm 2019 có 06 đề tài cấp Tổng Công ty, với dự toán được duyệt 4,7 tỷ đồng, gồm có 01 đề tài lĩnh vực tuyển khoáng; 01 đề tài lĩnh vực cơ điện và 04 đề tài lĩnh vực luyện kim; bổ sung 02 đề tài cấp Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam tháng 11/2019 với tổng kinh phí 5,5 tỷ đồng, trong đó có 01 đề tài lĩnh vực tin học và tự động hóa, 01 đề tài lĩnh vực luyện kim. Đã xét duyệt công nhận để tiếp tục thâm định giá trị làm lợi và xét thưởng vào đầu năm 2020 đối với 16 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, HLHSX năm 2019 của Công ty mẹ Tổng Công ty, giá trị làm lợi trên 10 tỷ đồng.

2.2.2. Đánh giá công tác tài chính:

Đã chủ động giải quyết các vướng mắc liên quan thu xếp vốn cho các dự án đầu tư, thu xếp đủ vốn phù hợp với dòng tiền, hỗ trợ thu xếp vốn lưu động cho các công ty con.

Tích cực làm việc với các địa phương, Bộ ngành liên quan trong việc đề xuất giảm các loại thuế, phí phù hợp với điều kiện SXKD của doanh nghiệp và giá cả thị trường nhưng do các Bộ, Tỉnh đều chờ Nghị định/Thông tư sửa đổi nên các loại thuế, phí năm 2019 và 2020 vẫn ở mức rất cao, không phù hợp với thực tế giá cả thị trường.

Đã tăng cường thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đôn đốc các đơn vị thực hiện các kết luận của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính Phủ. Phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với Tư vấn Luật trong việc theo đuổi các vụ tranh chấp nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của Doanh nghiệp.

2.2.3. Đánh giá công tác đầu tư:

Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 chưa hoàn thành kế hoạch giao, do một số nguyên nhân như: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, không thống nhất được chi phí đền bù; địa phương điều chỉnh quy hoạch và thu hồi một phần đất của dự án luyện đồng; khó khăn trong việc thu xếp vốn, tìm kiếm đối tác tiêu thụ sản phẩm đầu ra để thực hiện; các cổ đông ngoài không đồng thuận triển khai thực hiện; giá kim loại giảm sâu làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị cũng như ảnh hưởng đến công tác đầu tư dự án; ngoài ra, thời gian thẩm định thiết kế/thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng do cơ quan chuyên môn về xây dựng của địa phương... thực hiện bị kéo dài.

*Tình hình thực hiện kế hoạch ĐTXD dự án trọng điểm Công ty mẹ - Tổng công ty :

(1) Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (Dự án nhóm A do Công ty mẹ - Tổng công ty làm Chủ đầu tư):

- Tất cả các hạng mục xây dựng được triển khai đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu tiến độ đề ra và hoàn thành phần xây dựng toàn bộ các hạng mục công trình Nhà máy tuyển khoáng (trừ hạng mục Nắn suối Nậm Chôn + xây dựng cầu qua đoạn nắn suối Nậm Chôn, XD bãi thải quặng đuôi giai đoạn 2 do vướng mắc trong khâu giải phóng, bàn giao mặt bằng nên tiến độ bị chậm so với dự kiến). Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai cơ bản hoàn thành kế hoạch. Về dây chuyền thiết bị công nghệ nhà máy tuyển khoáng đã hoàn thành việc cung cấp, lắp đặt, chạy thử liên động không tải, chạy thử liên động có tải, chỉnh định thiết bị, hoàn thành chạy thử liên động có tải; kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng từ ngày 01/02/2019

- Lũy kế thực hiện đến 31/12/2019: 2.226.648 triệu đồng (tương đương 86,82% tổng mức đầu tư được phê duyệt).

(2) Dự án Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai (Dự án nhóm A do Công ty mẹ - Tổng công ty làm Chủ đầu tư):

- Dự án triển khai còn chậm do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan tồn tại từ những năm trước như: tỉnh Lào Cai thực hiện thu hồi apatit trên mặt bằng nhà máy; thực hiện điều chỉnh quy hoạch và thu hồi một phần đất của dự án để xây dựng khu vực cửa khẩu Bản Vược; điều chỉnh thiết kế cho phù hợp trong quá trình thi công xây dựng; công tác giải ngân thanh toán cho các hợp đồng chậm, ảnh hưởng đến nguồn lực và tiến độ thi công của các nhà thầu...

- Năm 2019, Chủ đầu tư tiếp tục triển khai thực hiện công việc của gói thầu số 8 (HH - Thiết kế, cung cấp thiết bị, vật tư và lắp đặt Nhà máy luyện đồng công suất 20.000 tấn/năm) chủ yếu công tác điều chỉnh thiết kế và giám sát tác giả, thiết bị cho nhà máy hiện tại nhà thầu đang vận chuyển đến công trường để lắp đặt; triển khai thi công Xây dựng các nhà xưởng thuộc Nhà máy luyện đồng, Xây dựng khu điều hành sản xuất, Hệ thống kho chứa và xưởng cơ khí...; và tiếp tục thực hiện các hạng mục: Thẩm tra thiết kế; giám sát thi công xây lắp; quản lý mua sắm, tiến độ, chất lượng công trình; Bảo hiểm công trình; Tư vấn kiểm tra an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng; Tư vấn giám định các thiết bị quan trọng; Tư vấn GSTC các hạng mục phụ trợ; Tư vấn kiểm toán quyết toán các HMCT và DA hoàn thành của dự án theo kế hoạch được giao.

- Lũy kế thực hiện đến 31/12/2019: 2.092.658 triệu đồng (tương đương 53,28% tổng mức đầu tư được phê duyệt).

(3) Dự án đầu tư Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai (Dự án nhóm B do Công ty mẹ - Tổng công ty làm Chủ đầu tư):

- Tiếp tục thực hiện công tác thống kê bồi thường, giải phóng mặt bằng, mặc dù hiện tại còn gặp nhiều khó khăn.

- Tổ chức tự thực hiện gói thầu số 13 “Xây dựng đường lò khai thông +150 và đường lò chuẩn bị +110”, gói thầu số 10 “Giám sát thi công xây dựng công trình”, số 11 “Bảo hiểm công trình”, số 15 “Mua sắm máy khoan đào lò” và số 16 “Xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị trạm PP-6kV, trạm biến áp 6/0,4kV và kho thuốc nổ”

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng để thực hiện các gói thầu số 18b, số 9... và triển khai các công việc tiếp theo.

- Lũy kế thực hiện đến 31/12/2019: 102.895 triệu đồng (tương đương 20,97% tổng mức đầu tư được phê duyệt).

2.2.4. Đánh giá công tác tổ chức, nhân sự:

- Thực hiện các thủ tục tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, ký kết HĐLĐ, HĐ thuê khoán, hỗ trợ lao động, chấm dứt HĐLĐ, nghỉ hưu tại Cơ quan Tổng công ty và các đơn vị thành viên đúng quy định.

- Đã ban hành các văn bản Hướng dẫn thực hiện về mô hình tổ chức và định biên lao động tại các đơn vị.

- Phối hợp cùng các Sở, Trường Cao Đẳng nghề tổ chức tuyển sinh và đào tạo nguồn lao động cung cấp cho các Dự án.

- Xây dựng và trình HĐQT VIMICO đã ký ban hành Hệ thống thang bảng lương mới của Tổng công ty năm 2019, Quy chế quản lý lao động tiền lương, Quy chế Quản lý cán bộ, Quy chế thi đua khen thưởng.

2.3. Giám sát hoạt động của Ban quản lý điều hành:

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban điều hành theo đúng quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định phân cấp ủy quyền của HĐQT, của Người đại diện theo pháp luật cho Ban điều hành. Theo yêu cầu của HĐQT, Ban điều hành đã hoạch định, xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ của Tổng công ty, của từng đơn vị và của từng thành viên Ban điều hành bằng văn bản, đồng thời đã báo cáo HĐQT các nội dung trên. Ban điều hành có 7 đồng chí gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Tất cả các cán bộ điều hành đều có đủ năng lực, đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao; thực hiện nhiệm vụ mẫn cán, trung thực, đạt hiệu quả cao, thực hiện tiết kiệm chi phí. Nội bộ đoàn kết nhất trí cao, có tinh thần học tập nâng cao trình độ, năng động tích cực và chủ động trong thực thi trách nhiệm của cán bộ quản lý. Tập hợp được đội ngũ nhân viên, hướng dẫn, đào tạo nhân viên hoàn thành được công việc. Duy trì tốt kỷ luật và xây dựng văn hóa, thương hiệu doanh nghiệp.

Các Nghị quyết của HĐQT giao cho Ban điều hành thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. Hàng quý, HĐQT đều tổ chức họp giao ban liên tịch giữa HĐQT và cơ quan điều hành, Chủ tịch HĐQT trực tiếp tham gia các cuộc họp quan trọng để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Tổng công ty, chỉ đạo xây dựng kế

hoạch, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn; Thực hiện công tác kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ.

Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Cơ quan điều hành Tổng công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị công ty.

3. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2020:

Năm 2020 bên cạnh những thuận lợi như: Kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục ổn định và tăng trưởng hơn năm 2019, giá khoáng sản có xu hướng ổn định và tăng, các Nhà máy mới đi vào sản xuất đã hoạt động ổn định, trình độ quản lý vận hành và hành tốt hơn, lãi vay đang ở mức ổn định thuận lợi cho hoạt động SXKD - ĐTXD. Tuy nhiên, cũng gặp nhiều khó khăn khi công tác đền bù giải phóng mặt bằng tại nhiều đơn vị tiếp tục phức tạp, chính sách thuế - phí tiếp tục tăng cao, đặc biệt là diễn biến khó lường của dịch bệnh Covid 19, những khó khăn về tài chính của một vài cổ đông sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tiến độ góp vốn, ảnh hưởng đến quá trình triển khai dự án đầu tư...

Trước tình hình trên, HĐQT Tổng công ty tập trung ưu tiên chỉ đạo các mặt hoạt động sau:

3.1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020 với các nội dung chủ yếu:

3.1.1. Hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của KHSX năm 2020 và các nhiệm vụ chính trong quản lý SXKD:

Mục tiêu tổng quát: AN TOÀN - HIỆU QUẢ - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG đối với mỗi đơn vị thành viên và toàn Tổng công ty.

Mục tiêu điều hành của Tổng công ty: Đắt đá bóc mỏ đồng Sin Quyền tối thiểu đạt 11 triệu m³ và 1,95 triệu tấn quặng nguyên khai. Toàn Tổng công ty phấn đấu hoàn thành KH 2020 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

* Các chỉ tiêu hợp nhất toàn Tổng công ty:

- Tổng doanh thu: 6.588 tỷ đồng

Trong đó: Doanh thu khoáng sản: 6.511 tỷ đồng

Doanh thu SXKD khác: 77 tỷ đồng

- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế :163 tỷ đồng, bao gồm: Lợi nhuận từ khoáng sản: 162 tỷ đồng; Lợi nhuận từ kinh doanh khác: 1 tỷ đồng.

Trong đó: Công ty mẹ - Tổng công ty:

- Doanh thu: 3.152 tỷ đồng

trong đó: Doanh thu khoáng sản: 3.104 tỷ đồng

Doanh thu khác: 48 tỷ đồng

- Lợi nhuận Công ty mẹ: 94 tỷ đồng, trong đó: Từ khoáng sản: 93,57 tỷ đồng; Kinh doanh khác: 0,43 tỷ đồng).

- Tổng giá trị ĐTXD CB: 1.476 tỷ đồng. Trong đó: Chuẩn bị dự án, thực hiện đầu tư: 1.335,29 tỷ đồng; Trả nợ khối lượng năm trước: 0 tỷ đồng; Dự phòng: 140,71 tỷ đồng.

- Lao động bình quân: 4.812 người, trong đó: Công ty mẹ 1.986 người.

- Điều hành đảm bảo tiền lương bình quân chung toàn Tổng công ty đạt 8,976tr.đ/người/tháng, bằng 118,28% so với dự kiến thực hiện năm 2019, trong đó: Công ty mẹ - Tcty: 10,453 tr.đ/người/tháng.

- Các sản phẩm sản xuất chủ yếu: Đồng tấm: 17.000 tấn; Kẽm thỏi: 11.200 tấn, Thiếc thỏi 99,75-99,95%Sn: 250 tấn, Tinh quặng sắt 60%Fe: 158.022 tấn; Vàng 99,95%Au: 623 kg; Phôi thép các loại: 220.000 tấn.

3.1.2. Nâng cao hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty ở các doanh nghiệp mà Tổng công ty có vốn góp, giảm và từng bước tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị để khắc phục tình trạng giám sát đặc biệt.

3.1.3. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính năm 2020, đảm bảo cân đối và thu xếp đủ vốn để thực hiện đầu tư, đáp ứng yêu cầu SXKD, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông. Đẩy mạnh quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro.

3.1.4. Chỉ đạo Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty con tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.

3.1.5. Tiếp tục tập trung thực hiện Đề án tái cơ cấu của Tổng công ty. Thực hiện tái cơ cấu vốn của cổ đông. Thực hiện và chấp hành nghiêm túc việc quản lý cổ đông, công bố thông tin và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3.1.6. Chỉ đạo thực hiện và tổ chức giám sát tốt việc thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm về tuân thủ chính sách pháp luật trong đầu tư và tiến độ, chất lượng đầu tư. Tổ chức thực hiện các nội dung về các dự án dở dang, quyết toán vốn đầu tư, xử lý tồn đọng về tài chính, tài sản, thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.... của các công ty con, đơn vị trực thuộc theo nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

3.1.7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm đảm bảo hiệu quả SXKD toàn Tổng công ty.

3.1.8. Thực hiện pháp luật về an toàn lao động, an toàn môi trường;

3.1.9. Chuẩn bị các nguồn lực để chuẩn bị cho kế hoạch 2020: Năng lực hoạt

động của thiết bị, bổ sung, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tài nguyên sẵn sàng ngay trong năm 2020.

3.2. Quan tâm đến xây dựng, đào tạo và bổ sung tuyển dụng cán bộ đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ. Tổ chức tuyển dụng theo quy chế được HĐQT phê duyệt. Hoàn thiện bộ máy quản lý, nâng cao năng lực quản lý của cán bộ về đầu tư xây dựng. Xây dựng kỷ luật kỷ cương và văn hóa doanh nghiệp;

3.3. Tăng cường giám sát, chỉ đạo bộ máy quản lý điều hành thực hiện công tác sản xuất kinh doanh và ĐTXD của Tổng công ty có hiệu quả. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính năm 2020, đảm bảo cân đối và thu xếp đủ vốn để thực hiện đầu tư, đáp ứng yêu cầu SXKD, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông theo đúng nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ của Tổng công ty và pháp luật đảm bảo quyền lợi chính đáng của các Cổ đông;

3.4. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị xã hội của Tổng công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD vì mục tiêu phát triển Tổng Công ty, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động xây dựng Tổng công ty ngày càng phát triển;

3.5. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nâng cao hơn trách nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Tiếp tục xây dựng hệ thống văn bản quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Tổng công ty. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định theo thẩm quyền để ban hành thực hiện thống nhất trong toàn Tổng công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo thường niên năm 2019 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



M.S.D.N. 091039
TỔNG CÔNG TY
KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO
Trịnh Văn Tuệ